

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0612.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn An Hiệp
Ngày lấy mẫu : 04/04/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 04/04/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BẾN TRE**

ĐẾN Số:.....289.....
Ngày: 2/5/2018
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/04/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	04/04/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	05/04/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	04/04/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,14 NTU	≤ 2 NTU	04/04/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,57	6,5 – 8,5	04/04/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	92,00 mg/l	≤ 300 mg/l	05/04/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	27,00 mg/l	≤ 250 mg/l	05/04/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH	≤ 0,3 mg/l	05/04/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	3,02 mg/l	≤ 50 mg/l	05/04/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	05/04/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	35,22 mg/l	≤ 250 mg/l	05/04/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLD & VSMT	1,5 mg/l	≤ 2 mg/l	05/04/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	04/04/2018

Mã số mẫu: 0612.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

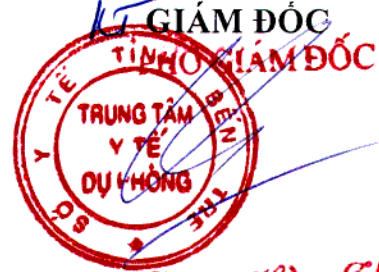
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM



Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2018



Phạm Hồng Hải

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0569.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Đầu nguồn Sơn Đông
Ngày lấy mẫu : 02/04/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	04/04/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,11 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,06	6,5 – 8,5	02/04/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	130,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	167,50 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH	≤ 0,3 mg/l	04/04/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	1,55 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	04/04/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	46,72 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLĐ & VSMT	0,50 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	02/04/2018

Mã số mẫu: 0569.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2018

Võ Thị Cẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Hồng Thái

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0588.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Giữa nguồn, Tân Thạch - Chi nhánh cấp nước Phú Tân
Ngày lấy mẫu : 03/04/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 03/04/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	03/04/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	03/04/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	2,67 TCU	15 TCU	04/04/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	03/04/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,13 NTU	≤ 2 NTU	03/04/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,69	6,5 – 8,5	03/04/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	100,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	64,50 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	04/04/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	6,50 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	04/04/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	29,26 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLĐ & VSMT	1,50 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	03/04/2018

Mã số mẫu: 0588.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2018



Phạm Hồng Chải

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0589.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Cuối nguồn, KCN Giao Long - Chi nhánh cấp nước Phú Tân
Ngày lấy mẫu : 03/04/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 03/04/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	03/04/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	03/04/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	04/04/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	03/04/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,95 NTU	≤ 2 NTU	03/04/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,71	6,5 – 8,5	03/04/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	112,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	84,00 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,16 mg/l	≤ 0,3 mg/l	04/04/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	6,20 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	04/04/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	32,17 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLĐ & VSMT	1,20 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	03/04/2018

Mã số mẫu: 0589.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM


Võ Thị Giem

Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2018



Phạm Hồng Chải

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0570.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Cửa hàng thuốc Thực vật - Phú Tân, Phú Khương
Ngày lấy mẫu : 02/04/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	04/04/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,10 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,26	6,5 – 8,5	02/04/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	120,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl-B 2012 (a)	165,00 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	KPH	≤ 0,3 mg/l	04/04/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	2,05 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	04/04/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	48,19 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLĐ & VSMT	0,70 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	02/04/2018

Mã số mẫu: 0570.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

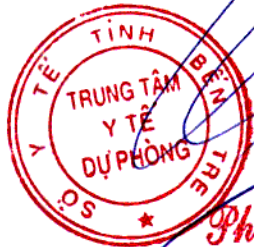
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2018


Võ Thị Giem

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Chải

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0571.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Hẻm phường 4
Ngày lấy mẫu : 02/04/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	04/04/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,69 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,31	6,5 – 8,5	02/04/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	130,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	160,00 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500-Fe-B (2012) (b)	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	04/04/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	2,50 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	04/04/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	48,61 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLĐ & VSMT	1,30 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	02/04/2018

Mã số mẫu: 0571.18

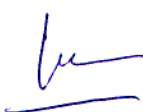
Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2018


Võ Thị Giem

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Hải

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0572.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Hộ dân KP3- Trần Quốc Tuấn
Ngày lấy mẫu : 02/04/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	04/04/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,84 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,41	6,5 – 8,5	02/04/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	104,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	68,00 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,09 mg/l	≤ 0,3 mg/l	04/04/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	1,80 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	04/04/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	41,06 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLĐ & VSMT	1,30 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,3 mg/l	0,3-0,5 mg/l	02/04/2018

Mã số mẫu: 0572.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM


Võ Thị Giém

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2018

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Hồng Châu

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0573.18



Tên khách hàng : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ : 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Tên mẫu : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu : Trạm tăng áp
Ngày lấy mẫu : 02/04/2018
Lượng mẫu : 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT	Ngày kiểm nghiệm
1	Coliform	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
2	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2009 (a)	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	0 CFU/100ml	02/04/2018
3	Màu sắc (TCU)	SMEWW 2120 C (b)	KPH	15 TCU	04/04/2018
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	02/04/2018
5	Độ đục	EPA-180.1 (1997) (b)	0,70 NTU	≤ 2 NTU	02/04/2018
6	pH	TCVN 6492:2011 (a)	7,25	6,5 – 8,5	02/04/2018
7	Độ cứng tổng tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340 (2012) (a)	130,00 mg/l	≤ 300 mg/l	04/04/2018
8	Hàm lượng Clorua	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2012 (a)	157,00 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
9	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500- Fe-B (2012) (b)	0,10 mg/l	≤ 0,3 mg/l	04/04/2018
10	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180 - 1990 (b)	2,10 mg/l	≤ 50 mg/l	04/04/2018
11	Hàm lượng Nitrit	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2012 (a)	KPH MLOD=0,01mg/l	≤ 3 mg/l	04/04/2018
12	Hàm lượng Sunphat	EPA - 375.4 (1997) (b)	48,92 mg/l	≤ 250 mg/l	04/04/2018
13	Chỉ số Pecmanganat	TQKTYHLD & VSMT	1,30 mg/l	≤ 2 mg/l	04/04/2018
14	Chlor dư tổng cộng	(2)	0,5 mg/l	0,3-0,5 mg/l	02/04/2018

Mã số mẫu: 0573.18

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống).

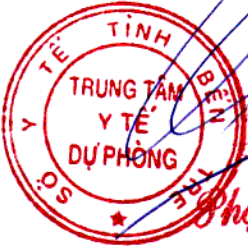
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm;
- Kết quả: KPH: Không phát hiện;
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP;
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KHOA XÉT NGHIỆM

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2018


Võ Thị Giem

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Châu